TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Ông Duyên Văn Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân – Gia đình thụ lý số: 812/2020/TLST - HN ngày 23 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, Tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Hồng P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, Tỉnh Cad Mau.

Các đươngcó mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Thị T trình bày: Năm 2011 chị và anh Tạ Hồng P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo qui định. Thời gian chung sống chị và anh P có một con chung, cháu tên Bùi Như Thanh, sinh ngày 04/11/2013. Qúa trình chung sống chị và anh P thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng với nhau trong quan hệ cuộc sống hàng ngày, tình trạng mâu thuẫn hiện nay là trầm trọng. Nay chị yêu cầu:

- Xin ly hôn với anh P.

- Con chung: Hiện nay cháu tên Bùi Như T đang sống chung với anh P, chị đồng ý tiếp tục giao cho anh P nuôi dạy, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh P đúng theo trình tự luật định nhưng anh P không có văn bản phản hồi về quan điểm xử lý vụ việc do chị T đặt ra tại vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh P đúng theo trình tự luật định nhưng anh P không có văn bản phản hồi về vụ việc do chị T trình bày, yêu cầu, không đến Tòa án theo triệu tập.

Nên xét xử vắng mặt anh Tạ Hồng P.

[2] Về nội dung: Chị T xác định chị và anh P tìm hiểu, tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng năm 2011, không đăng ký kết hôn nên Luật Hôn nhân – Gia đình không công nhận chị và anh P là vợ chồng.

Con chung: Chị T với anh P một con chung cháu tên Bùi Như T, sinh ngày 04/11/2013, hiện đang sống với anh P. Chị T đồng ý tiếp tục giao cháu T cho anh P trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng. Việc nuôi con, cấp dưỡng, mức cấp dưỡng là quyền lợi của cháu T, khi quyết định việc này lẽ ra anh P phải tham gia, có đề xuất yêu cầu xử lý cụ thể đảm bảo công bằng và quyền lợi cho cháu T. Do anh P vắng mặt nên tiếp tục duy trì cho anh P trực tiếp nuôi cháu T. Việc nuôi con, cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu có thể khởi kiện thành vụ án khác để được xem xét.

- Về tài sản, nợ chung chị T không yêu cầu nên không xét.

[3] Án phí hôn nhân chị T phải chịu theo qui định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 9; 11; 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị T với anh Tạ Hồng P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Như T, sinh ngày 04/11/2013, hiện đang sống với anh P cho anh P trực tiếp nuôi, dạy. Việc nuôi con, cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận với chị T, nếu không thỏa thuận được và nếu có yêu cầu các đương sự có thể khởi kiện thành vụ án khác để được xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu nên không xét.

Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, ngày 23/11/2020 chị T dự nộp 300.000 đồng dự phí khởi kiện theo lai thu số 0004319 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Bản án này là sơ thẩm, chị T, anh P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Văn Yên